TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2023/DS-PT
Ngày 18- 9 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2023/QĐ-PT ngày 17/5/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 63/2023/TB-TA ngày 18/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1974. địa chỉ: số G đường Đ, tổ B, khu D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị Thu G, sinh năm 1985, có mặt.

2. Ông Huỳnh Văn Thanh P, sinh năm 1976, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số A Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (theo giấy uỷ quyền ngày 16/9/2022).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị P1, sinh năm 1967; địa chỉ: số A đường L, tổ B, khu B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Như A, sinh năm 1966, địa chỉ: số E khu phố E, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo giấy uỷ quyền ngày 16/6/2023), có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Lê Thị P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên năm 2019 bà Lê Thị P1 có vay của bà Trần Thị T số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để lo cho gia đình và sau đó vay thêm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để chuyển mục đích sử dụng đất. Việc vay tiền thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 09/7/2019, có chữ ký của bà P1, thời gian vay là 03 tháng, không thoả thuận lãi suất. Hết thời hạn vay, bà P1 không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu bà P1 trả tiền.

Do bà P1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà P1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy nhận tiền ngày 09/7/2019.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị P1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/11/2022 và ngày 09/01/2023 và tham gia phiên tòa vào các ngày 21/02/2023 và 15/3/2023 nhưng bà P1 không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Lê Thị P1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị P1 phải thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 12/4/2023 bị đơn bà Lê Thị P1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi của bà P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông Nguyễn Như A có quan hệ quen biết với bà T và bà P1. Do bà T và bà P1 không biết chữ nên nhờ ông A ghi giùm Giấy nhận tiền ghi ngày 09/7/2019. Ngoài giấy nhận này, trước đó bà P1 còn có vay của bà T một lần khác có giấy nhận tiền với số tiền 100.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ nhận 90.000.000 đồng, bà T trừ 10.000.000 đồng là tiền lãi. Khi vay số tiền này thì bà P1 có thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1. Đối với Giấy nhận tiền ghi ngày 09/7/2019 thì ông A chỉ ghi giùm chứ không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà T bà P1. Sau khi có thông báo mở phiên tòa thì ông A có gặp, trao đổi với bà T và người đại diện của bà T là ông P, bà G thỏa thuận để bà P1 trả cho bà T 400.000.000 đồng và bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó không nghe phản ánh lại của bà T. Nay ông A đại diện cho bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm không triệu tập bà Phạm Thị H đến làm việc để làm rõ nội dung vụ án, ông A chưa được xem bản chính Giấy nhận tiền ghi ngày 09/7/2019 và không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1 mà bà T cầm trước đây có thế chấp nơi khác không.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bà T chỉ cho bà P1 vay một lần 400.000.000 đồng. Lúc đầu bà P1 vay 300.000.000 đồng nhưng sau đó bà P1 nói vay thêm 100.000.000 đồng để làm thủ tục gì đó nên giấy nhận tiền mới ghi như vậy. Bà T không cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1 như ông A trình bày. Còn bản chính Giấy nhận tiền ghi ngày 09/7/2019 thì ông A đã được xem trong phiên tòa lần trước, nếu cần thì bà G sẽ cung cấp cho Tòa án để ông A xem. Đối với yêu cầu khiếu nại của bà G, sau khi khiếu nại, các yêu cầu của bà G đã được giải quyết nên bà G rút toàn bộ yêu cầu khiếu nại.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ bà H là ai, có nhận tiền của bà T hay không, lý do tại sao bà H lại có tên trong Giấy nhận tiền ghi ngày 09/7/2019. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục sai sót này, đã mời bà H làm việc, bà H xác định không liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A cho rằng có giao cho bà Tiền g chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thừa nhận có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1 như ông A trình bày. Bị đơn cũng đã thừa nhận có thương lượng với nguyên đơn sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy chứng quyền sử dụng đất, tuy nhiên bị đơn không có chứng cứ chứng minh nguyên đơn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thể thực hiện; trường hợp này bị đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù vụ án có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng cũng đã được cấp

phúc thẩm khắc phục nên không cần thiết phải hủy án nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai và chứng cứ chứng minh và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là phù với quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị P1 phải trả số tiền vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy nhận tiền ngày 09/7/2019, có chữ ký của bà Lê Thị P1.

Theo Giấy mượn tiền ghi người mượn là bà Lê Thị P1, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: ấp C, T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và Phạm Thị H, sinh năm 1952, hộ khẩu thường trú: ấp C, T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và người ký nhận tiền là Lê Thị P1. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án chưa làm rõ người thực tế mượn tiền là Lê Thị P1 hay Phạm Thị H. Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập bà H đến Tòa án làm việc, bà H xác định không liên quan đến việc vay mượn giữa bà T và bà P1, nên có căn cứ xác định bà H có liên quan đến vụ án do đó bị đơn yêu cầu đưa bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

Xét, theo nội dung Giấy mượn tiền thể hiện bị đơn Lê Thị P1 có vay của nguyên đơn Trần Thị T số tiền 300.000.000 đồng và có ghi thêm 100.000.000 đồng, giấy mượn tiền này bị đơn đều ký xác nhận, người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng bà P1 có vay tiền bà T hai lần, lần thứ nhất vay 100.000.000 đồng và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P1 và xác định chỉ cho bà P1 vay một lần 400.000.000 đồng như giấy nhận tiền cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm về vệc hai bên thỏa thuận để bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Trong Giấy mượn tiền không thể hiện thỏa thuận tiền lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Lê Thị P1 thanh toán cho bà Trần Thị T nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị P1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị P1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002798 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ